

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 383/2026/DS-PT
Ngày: 26-3-2026
“V/v Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu hủy di chúc”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Trịnh Thị Phúc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tho – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 và 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 966/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu hủy di chúc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số D, ấp B, xã X, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S: Bà Võ Thị Mỹ A, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số C C/C L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/5/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S: Luật sư Trương Thanh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

2. Bà Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số D, đường N, Phường L, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà **Võ Thị Mỹ A**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **Số C C/C L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh**.

4. Bà **Võ Thị Xuân M**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Số D, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh**.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà **Võ Thị Xuân M**: Bà **Võ Thị Mỹ A**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **Số C C/C L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2024).*

5. Bà **Võ Thị Mỹ P**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **Số C C/C L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh**).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà **Võ Thị Mỹ P**: Bà **Võ Thị Mỹ A**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **Số C C/C L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2024).*

- *Bị đơn:* Ông **Võ Hữu T1**, sinh năm 1972. Địa chỉ: **Số C, ấp X, phường T, tỉnh Tây Ninh**.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông **Võ Hữu T1**: Bà **Nguyễn Mỹ O**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **ấp K, xã Q, tỉnh Cà Mau**. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2025).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Võ Hữu S1**, sinh năm 1951. Địa chỉ: **Số A, đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh**.

2. Ông **Võ Hữu N**, sinh năm 1951. Địa chỉ: **Số A, Đường số B, Khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh**.

3. Bà **Võ Thị Á**, sinh năm 1955. Địa chỉ: **Số C, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh**.

4. Bà **Võ Thị Mỹ D**, sinh năm 1959. Địa chỉ: **Số A, ấp B, T, tỉnh Tây Ninh**.

5. Bà **Võ Thị Mỹ T2**, sinh năm 1965. Địa chỉ: **Số D, đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh**.

6. Bà **Võ Thị Mỹ T3**, sinh năm 1966. Địa chỉ: **Ấp T, xã T, xã B, tỉnh Tây Ninh**.

7. Ông **Trần Công H1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **Số H, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh**.

8. Bà **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **Số C, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh**.

9. Bà **Trần Thị Trúc L1**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Số D, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh**.

10. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1959.

11. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Y**, sinh năm 1983.

12. Bà **Nguyễn Thị Xuân H2**, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Số C, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

13. Bà Nguyễn Thị Mỹ H3, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số C, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

14. Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1949.

15. Ông Võ Hữu H4, sinh năm 1980.

16. Bà Võ Thị Mỹ T4, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

17. Ông Võ Hữu H5, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số A ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Hữu H5: Bà Trần Thị Mỹ H6, sinh năm 1979. Địa chỉ: A L, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2026).

18. Ông Võ Hữu V, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số nhà B, Đường số A, Khu phố C, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

19. Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An. Nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Hữu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2024, ngày 21/10/2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, bà Võ Thị Mỹ T, bà Võ Thị Mỹ A, bà Võ Thị Xuân M, bà Võ Thị Mỹ P và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị S là vợ của ông Võ Hữu T5, hiện bà Nguyễn Thị S cùng các con của bà S và ông T5 gồm Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P đang quản lý thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An và các tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà cấp 4 và 01 khu mả. Nguồn gốc thửa đất số 36 nêu trên là tài sản của cha mẹ ông T5 là cụ Võ Văn C1 và cụ Huỳnh Thị A1, do cụ A1 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) ngày 01/01/1997. Ngày 15/02/1991, cụ Võ Văn C1 và cụ Huỳnh Thị A1 cùng lập Tờ di chúc được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An chứng thực ngày 01/3/1991, để lại thửa đất số 36 cho ông Võ Hữu T5 được quản lý, sử dụng căn nhà và thửa đất số 36 làm nhà thờ cúng ông bà tổ tiên, không được chuyển nhượng. Gia đình bà S, ông T5 đã cùng sinh sống với cụ C1 và cụ A1 tại căn nhà trên thửa đất số 36 từ năm 1978 đến nay bà S cùng với các con vẫn đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Cụ Võ Văn C1 chết ngày 08/3/1996, cụ Huỳnh Thị A1 chết ngày 11/10/2011 có 10 người con gồm: Võ Hữu S1, Võ Hữu N, Võ Thị Á, Võ Thị Mỹ D, Võ Thị Mỹ T2, Võ Thị Mỹ T3, Võ Thị Mỹ Đ (chết ngày 24/8/2021, có chồng là Trần Văn M1 chết ngày 07/10/2013 và 03 con là Trần Công H1, Trần Thị Trúc L, Trần Thị Trúc L1), Võ Thị Mỹ H7 (chết ngày 14/9/2021, có chồng là Nguyễn Văn C và 03 con là Nguyễn Thị Mỹ Y, Nguyễn Thị Xuân H2, Nguyễn Thị Mỹ H3), Võ Hữu

T5 (chết ngày 01/7/2002, có vợ là Nguyễn Thị S và 04 con là Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P), Võ Hữu H8 (chết ngày 13/3/2024, có vợ là Nguyễn Thị S2 và 05 con là Võ Hữu V, Võ Hữu T1, Võ Hữu H5, Võ Hữu H4, Võ Thị Mỹ T4). Cụ Võ Văn C1 chết ngày 08/3/1996, khi ông Võ Hữu T5 chết ngày 01/7/2002, cụ Huỳnh Thị A1 ủy quyền cho ông Võ Hữu H8 khởi kiện tranh chấp chia tài sản đối với bà S, sau đó cụ A1 rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Cụ Huỳnh Thị A1 chết ngày 11/10/2011, ông Võ Hữu H8 chết ngày 13/3/2024, hiện ông Võ Hữu T1 đang giữ bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 36, bà S và các con không thể làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền quản lý, sử dụng di sản thờ cúng là căn nhà thờ và thửa đất số 36 nêu trên. Vì vậy, bà Nguyễn Thị S cùng các con Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P là những người thừa kế của ông Võ Hữu T5 khởi kiện yêu cầu như sau:

- Công nhận Tờ di chúc của cụ ông Võ Văn C1 và cụ bà Huỳnh Thị A1 lập ngày 15/02/1991 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An chứng thực ngày 01/3/1991 là có hiệu lực pháp luật.

- Chia thừa kế theo Tờ di chúc lập ngày 15/02/1991 cho ông Võ Hữu T5 được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An và các tài sản khác gắn liền với thửa đất. Ông Võ Hữu T5 đã chết nên những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông T5 gồm bà Nguyễn Thị S, Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An và các tài sản khác gắn liền với thửa đất.

- Hủy Tờ di chúc của cụ bà Huỳnh Thị A1 lập ngày 28/11/2002 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An chứng nhận ngày 28/11/2002.

- Buộc ông Võ Hữu T1 giao trả bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An mang tên Huỳnh Thị A1 để bà S làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định.

Bị đơn ông Võ Hữu T1 có lời trình bày như sau: Ông là con của ông Võ Hữu H8 (chết ngày 13/3/2024), là cháu nội của cụ Võ Văn C1 và cụ Huỳnh Thị A1. Ngày 28/11/2002, cụ Huỳnh Thị A1 có lập Tờ di chúc được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An chứng thực ngày 28/11/2002, giao toàn bộ phần đất thổ với căn nhà chữ “Đinh” nằm trên thửa đất số 36 cùng với tủ, ván, bàn, bàn thờ cho ông Võ Hữu H8 và giao bản chính giấy chứng nhận QSDĐ cho ông H8 giữ. Theo ông T1 thì thửa đất số 36 do cụ Huỳnh Thị A1 đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ là tài sản hợp pháp của cụ A1, cụ A1 tự nguyện lập Tờ di chúc để lại tài sản cho ông H8 khi còn minh mẫn, sáng suốt nên không trái pháp luật. Trong thời gian ông H8 giữ giấy chứng nhận QSDĐ đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Ngày 27/11/2023, ông H8 đã lập Tờ di chúc trong đó có nội dung giao cho ông T1 thửa đất thổ số 36, tờ bản đồ số 4d cùng một cái nhà chữ “Đinh” trên thửa đất cùng tủ, ván, bàn, bàn thờ để phụng tự, thờ cúng, cấm không được bán. Khi lập Tờ di chúc thì ông H8 giao toàn bộ giấy tờ của thửa đất cho ông T1 giữ. Ông T1 giữ bản chính giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 36 là thực hiện di

nguyện của cha ông theo Tờ di chúc ngày 27/11/2023. Ông không đồng ý theo cầu khởi kiện của các nguyên đơn, không đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị S và các con quyền quản lý di sản là thửa đất số 36 và căn nhà trên thửa đất. Ông đồng ý để cho bà Nguyễn Thị S tiếp tục ở nhà thờ đến hết đời bà S theo như cam kết của cha ông tại “Tờ cam kết” ngày 28/11/2002.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời trình bày như sau:

1. Ông **Võ Hữu S1** trình bày tại “Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa” ngày 19/11/2024: Ông không tranh chấp đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại **xã B, huyện T, tỉnh Long An**. Ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng ý công nhận thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại **xã B, huyện T, tỉnh Long An** và các tài sản gắn liền với đất cho những người thừa kế của ông **Võ Hữu T5** là bà **Nguyễn Thị S** và các con của ông **T5** và bà **S**, yêu cầu hủy Tờ di chúc của cụ **Huỳnh Thị A1** lập ngày 28/11/2002 và Tờ di chúc ngày 27/11/2023 của ông **Võ Hữu H8**. Ông **S1** đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên xét xử của Tòa án.

2. Ông **Võ Hữu N** trình bày: Ông không yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại **xã B, huyện T, tỉnh Long An** mà để di sản này dùng thờ cúng, thuộc tài sản chung của 10 anh chị em, giao cho bà **Nguyễn Thị S** và các con quản lý di sản thờ cúng.

3. Bà **Võ Thị A** trình bày tại “Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa” ngày 18/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà **Nguyễn Thị S**, **Võ Thị Mỹ T**, **Võ Thị Mỹ A**, **Võ Thị Xuân M**, **Võ Thị Mỹ P**. Bà không yêu cầu được hưởng thừa kế đối với thửa đất số 36 nêu trên, đồng ý để cho vợ và các con của ông **Võ Hữu T5** được hưởng toàn bộ thửa đất số 36 và các tài sản gắn liền với thửa đất theo Tờ di chúc của cụ ông **Võ Văn C1** và cụ bà **Huỳnh Thị A1** lập ngày 15/02/1991 được Ủy ban nhân dân xã **B, huyện T, tỉnh Long An** chứng thực ngày 01/3/1991 cho ông **Võ Hữu T5** được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 36 và các tài sản khác gắn liền với thửa đất. Ông **Võ Hữu T5** đã chết nên vợ và các con của ông được hưởng toàn bộ tài sản này dùng để thờ cúng.

4. Bà **Võ Thị Mỹ D** trình bày tại “Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa” ngày 18/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà **Nguyễn Thị S**, **Võ Thị Mỹ T**, **Võ Thị Mỹ A**, **Võ Thị Xuân M**, **Võ Thị Mỹ P**. Bà không yêu cầu được hưởng thừa kế đối với thửa đất số 36 nêu trên, đồng ý để cho vợ và các con của ông **Võ Hữu T5** được hưởng toàn bộ thửa đất số 36 và các tài sản gắn liền với thửa đất theo Tờ di chúc của cụ ông **Võ Văn C1** và cụ bà **Huỳnh Thị A1** lập ngày 15/02/1991 được Ủy ban nhân dân xã **B, huyện T, tỉnh Long An** chứng thực ngày 01/3/1991 cho ông **Võ Hữu T5** được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 36 và các tài sản khác gắn liền với thửa đất. Ông **Võ Hữu T5** đã chết nên vợ và các con của ông được hưởng toàn bộ tài sản này dùng để thờ cúng.

5. Bà **Võ Thị Mỹ T2** trình bày tại “Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa” ngày 19/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện

của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P. Bà không yêu cầu được hưởng thừa kế đối với thửa đất số 36 nêu trên, đồng ý để cho vợ và các con của ông Võ Hữu T5 được hưởng toàn bộ thửa đất số 36 và các tài sản gắn liền với thửa đất theo Tờ di chúc của cụ ông Võ Văn C1 và cụ bà Huỳnh Thị A1 lập ngày 15/02/1991 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An chứng thực ngày 01/3/1991 cho ông Võ Hữu T5 được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 36 và các tài sản khác gắn liền với thửa đất. Ông Võ Hữu T5 đã chết nên vợ và các con của ông được hưởng toàn bộ tài sản này dùng để thờ cúng.

6. Bà Võ Thị Mỹ T3 trình bày tại “Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa” ngày 19/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P. Bà không yêu cầu được hưởng thừa kế đối với thửa đất số 36 nêu trên, đồng ý để cho vợ và các con của ông Võ Hữu T5 được hưởng toàn bộ thửa đất số 36 và các tài sản gắn liền với thửa đất theo Tờ di chúc của cụ ông Võ Văn C1 và cụ bà Huỳnh Thị A1 lập ngày 15/02/1991 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An chứng thực ngày 01/3/1991 cho ông Võ Hữu T5 được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 36 và các tài sản khác gắn liền với thửa đất. Ông Võ Hữu T5 đã chết nên vợ và các con của ông được hưởng toàn bộ tài sản này dùng để thờ cúng.

7. Những người thừa kế của bà Võ Thị Mỹ Đ gồm Trần Công H1, Trần Thị Trúc L, Trần Thị Trúc L1 đều thống nhất trình bày tại “Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa” ngày 19/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án: Các ông, bà đều không tranh chấp đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An; đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng ý công nhận thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An và các tài sản gắn liền với đất cho những người thừa kế của ông Võ Hữu T5 là bà Nguyễn Thị S và các con của ông T5 và bà S; yêu cầu hủy Tờ di chúc của cụ Huỳnh Thị A1 lập ngày 28/11/2002 và Tờ di chúc ngày 27/11/2023 của ông Võ Hữu H8; đều đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên xét xử của Tòa án.

8. Những người thừa kế của bà Võ Thị Mỹ H7 gồm ông Nguyễn Văn C, Võ Thị Mỹ Y1, Nguyễn Thị Xuân H2, Nguyễn Thị Mỹ H3 đều thống nhất trình bày tại “Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa” ngày 19/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án: Các ông, bà đều không tranh chấp đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An; đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng ý công nhận thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An và các tài sản gắn liền với đất cho những người thừa kế của ông Võ Hữu T5 là bà Nguyễn Thị S và các con của ông T5 và bà S; yêu cầu hủy Tờ di chúc của cụ Huỳnh Thị A1 lập ngày 28/11/2002 và Tờ di chúc ngày 27/11/2023 của ông Võ Hữu H8; đều đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên xét xử của Tòa án.

9. Những người thừa kế của ông **Võ Hữu H8** gồm bà **Nguyễn Thị S2**, **Võ Hữu V**, **Võ Hữu H5**, **Võ Hữu H4**, **Võ Thị Mỹ T4** đều thống nhất trình bày tại “Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa” ngày 19/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án: Các ông, bà đều không tranh chấp đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại **xã B, huyện T, tỉnh Long An**; đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, đồng ý công nhận thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại **xã B, huyện T, tỉnh Long An** và các tài sản gắn liền với đất cho những người thừa kế của ông **Võ Hữu T5** là bà **Nguyễn Thị S** và các con của ông **T5** và bà **S**; yêu cầu hủy Tờ di chúc của cụ **Huỳnh Thị A1** lập ngày 28/11/2002 và Tờ di chúc ngày 27/11/2023 của ông **Võ Hữu H8**; đều đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên xét xử của Tòa án.

10. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An** trình bày tại các Văn bản số 238/UBND-KT, số 239/UBND-KT và số 240/UBND-KT cùng ngày 05/6/2025 như sau: Tờ di chúc của cụ ông **Võ Văn C1** và cụ bà **Huỳnh Thị A1** lập ngày 15/02/1991 được **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An** chứng thực ngày 01/3/1991 và Tờ di chúc của cụ bà **Huỳnh Thị A1** lập ngày 28/11/2002 được **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An** chứng nhận ngày 28/11/2002 đều được thực hiện chứng thực đúng quy định pháp luật tại thời điểm chứng thực, đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ, chứng cứ và quy định pháp luật để giải quyết việc đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan. Vì lý do khách quan bận công tác nên **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An** đề nghị vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của vụ án.

Vụ án đã được tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các đương sự không thống nhất được với nhau về tất cả các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 96, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 653, Điều 655, Điều 656, Điều 660, Điều 666, Điều 667, Điều 670, Điều 671, Điều 673 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 638, Điều 639, Điều 643; Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 616, Điều 617, Điều 618, Điều 623, Điều 624, Điều 628, Điều 630, Điều 635, Điều 636, Điều 640, Điều 643, Điều 645, Điều 651, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23, Điều 26, Điều 133, Điều 137 của Luật đất đai năm 2024; Điều 6, Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà **Nguyễn Thị S**, **Võ Thị Mỹ T**, **Võ Thị Mỹ A**, **Võ Thị Xuân M**, **Võ Thị Mỹ P** về việc xác định

thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An là di sản dùng vào việc thờ cúng của cụ Võ Văn C1 và cụ Huỳnh Thị A1.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P về việc chia thừa kế và hủy Tờ di chúc của cụ Huỳnh Thị A1 lập ngày 28/11/2002 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An chứng nhận ngày 28/11/2002.

- Xác định thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) và các tài sản gắn liền với đất gồm Mã (1) diện tích 19,6m², Nhà chính (2) diện tích 247,6m² và Nhà (3) diện tích 60,1m² là di sản dùng vào việc thờ cúng.

Những người thừa kế của ông Võ Hữu T5 gồm bà Nguyễn Thị S, Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P cùng với những người thừa kế của ông Võ Hữu H8 gồm bà Nguyễn Thị S2, Võ Hữu V, Võ Hữu T1, Võ Hữu H5, Võ Hữu H4, Võ Thị Mỹ T4 được quyền đồng sở hữu đối với di sản dùng vào việc thờ cúng là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Giao cho những người thừa kế của ông Võ Hữu T5 gồm bà Nguyễn Thị S, Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P trực tiếp quản lý di sản là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An và các tài sản gắn liền với đất gồm Mã (1) diện tích 19,6m², Nhà chính (2) diện tích 247,6m² và Nhà (3) diện tích 60,1m² và thực hiện việc thờ cúng.

Những người thừa kế của ông Võ Hữu T5 gồm bà Nguyễn Thị S, Võ Thị Mỹ T, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Xuân M, Võ Thị Mỹ P cùng với những người thừa kế của ông Võ Hữu H8 gồm bà Nguyễn Thị S2, Võ Hữu V, Võ Hữu T1, Võ Hữu H5, Võ Hữu H4, Võ Thị Mỹ T4 có nghĩa vụ bảo quản di sản, không được bán, trao đổi, tặng cho, cầm cố, thế chấp hoặc định đoạt di sản bằng hình thức khác; không được cản trở những người thừa kế khác trong việc thăm nom, thờ phụng.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp). Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09 tháng 10 năm 2025, bị đơn ông **Võ Hữu T1** kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm đối với phần thừa kế của cụ **Võ Hữu H8** theo di chúc của cụ **Huỳnh Thị A1** thì giao cho ông **Võ Hữu T1** được hưởng toàn bộ vì cụ **H8** đã lập tờ di chúc ngày 27/11/2023 giao cho ông **T1** được hưởng phần di sản thờ cúng là thửa đất số 56 tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại **xã B, huyện T, tỉnh Long An** và căn nhà thờ trên đất (nay là **xã T, tỉnh Tây Ninh**); ông **Thịnh K** đồng ý giao cho các anh chị em khác của ông **T1** gồm bà **Nguyễn Thị S2**, **Võ Hữu V**, **Võ Hữu H5**, **Võ Hữu H4**, **Võ Thị Mỹ T4** cùng thừa kế phần hưởng di sản của cụ **H8**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông **T1** vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông T1 do người đại diện ủy quyền có lời trình bày: Ngày 28/11/2002, cụ **Huỳnh Thị A1** có lập Tờ di chúc được Ủy ban nhân dân xã **B, huyện T, tỉnh Long An** chứng thực ngày 28/11/2002, giao toàn bộ phần đất thổ với căn nhà chữ “Đinh” nằm trên thửa đất số 36 cùng với tủ, ván, bàn, bàn thờ cho ông **Võ Hữu H8** và giao bản chính giấy chứng nhận QSDĐ cho ông **H8** giữ. Theo ông **T1** thì thửa đất số 36 do cụ **Huỳnh Thị A1** đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ là tài sản hợp pháp của cụ **A1**, cụ **A1** tự nguyện lập Tờ di chúc để lại tài sản cho ông **H8** khi còn minh mẫn, sáng suốt nên không trái pháp luật. Trong thời gian ông **H8** giữ giấy chứng nhận QSDĐ đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Tài sản trên cụ **A1** có được sau khi cụ **C1** chết, cụ **A1** được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ sau thời điểm cụ **C1** chết nên đây là tài sản riêng của cụ **A1** được toàn quyền định đoạt. Di chúc ngày 15/02/1991 do cụ **C1** và cụ **A1** lập chỉ lại nhà cho ông **T5** không để lại đất. Yêu cầu xem xét tính hợp pháp của di chúc ông **H8** lập ngày 27/11/2023 để lại di sản trên cho con là ông **T1**. Ông **T1** đồng ý để cho bà **S** ở hết đời, sau đó trả lại cho ông **T1**.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có lời trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông **T1**. Quyền sử dụng đất thửa đất số 36 và tài sản trên đất các bên đều thừa nhận về nguồn gốc của cụ **C1** và cụ **A1**. Do thời điểm lập di chúc năm 1991 cả hai cụ chưa được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên thông tin về thửa đất chưa biết, các cụ lập để lại nhà và tài sản, tuy nhiên thực tế tài sản luôn gắn liền với đất không thể tách rời. Ý chí của cụ **C1** và cụ **A1** năm 1991 để lại tài sản trên dùng vào việc thờ cúng, đến năm 2002 sau khi cụ **C1** chết, cụ **A1** thay đổi di chúc, tuy nhiên bản chất cũng dùng vào việc thờ cúng. Di chúc của ông **H8** lập năm 2023 để tài sản trên cho ông **T1** là chưa phù hợp vì quyền định đoạt ông **H8** chưa được pháp luật công nhận đồng thời trái với ý chí tài sản trên dùng vào việc thờ cúng của cụ **C1** và cụ **A1**. Về mặt hình thức di chúc không đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Người kháng cáo thực hiện đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông T1 kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T1 và công nhận di chúc ngày 28/11/2002 và di chúc lập ngày ông H8 lập ngày 27/11/2023 để lại di sản trên cho con là ông T1.

Nhận thấy: Di chúc năm 1991 cụ C1 và cụ A1 để lại nhà cho ông T5 dùng vào việc thờ cúng, thời điểm này 02 cụ chưa được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Sau khi cụ C1 chết đến năm 2002 thì cụ A1 thay đổi toàn bộ di chúc luôn cả phần của cụ C1 là không đúng quy định pháp luật. Di chúc năm 1991 về mặt hình thức và nội dung đúng quy định pháp luật. Di chúc năm 2002 chỉ có hiệu lực đối với phần của cụ A1. Cả hai di chúc đều thể hiện ý chí dùng tài sản trên vào việc thờ cúng, không được chia thừa kế. Trước khi ông H8 chết có ý chí đồng ý để bà S tiếp tục quản lý di sản trên dùng vào việc thờ cúng. Việc ông H8 lập di chúc để di sản trên cho ông T1 là trái với ý chí của cụ C1 và cụ A1. Ông H8 chưa được quyền định đoạt phần tài sản trên nên việc lập di chúc để lại cho ông T1 là không đúng quy định pháp luật về quyền tự định đoạt tài sản. Do vậy, kháng cáo của ông T1 không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông T1 được nộp trong thời hạn luật định, đúng hình thức theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Hữu T1: Ông T1 cho rằng ông được hưởng toàn bộ phần di sản do ông Võ Hữu H8 để lại theo di chúc ngày 27/11/2023 và không đồng ý cho các đồng thừa kế khác cùng hưởng. Đồng ý để di sản cho bà S quản lý đến hết đời, sau đó giao lại cho ông T1 được quyền định đoạt. Bà S và hàng thừa kế của ông T5 không đồng ý yêu cầu của ông T1.

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng tài sản tranh chấp: Thừa đất số 36, tờ bản đồ số 4d, tọa lạc tại xã B, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) cùng các tài sản gắn liền với đất các đương sự đều thống nhất tài sản của có nguồn gốc là của cụ C1 và cụ A1 trực tiếp quản lý và sử dụng. Người đại diện ủy quyền của ông T1 trình bày tài sản trên là của riêng của cụ A1, tuy nhiên không có căn cứ chứng minh là tài sản riêng nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét nội dung các di chúc và ý chí của người để lại di sản: Ngày 15/02/1991, cụ C1 và cụ A1 lập di chúc có nội dung giao cho ông Võ Hữu T5 quản lý, sử dụng nhà trên đất để làm nơi thờ cúng, đồng thời thể hiện ý chí không được chuyển nhượng. Sau đó cụ A1 có lập di chúc ngày 28/11/2002 giao tài sản cho ông H8 và ông H8 có lập di chúc ngày 27/11/2023 giao lại cho ông T1, di chúc của cụ A1 đều thể hiện việc giao tài sản gắn với nghĩa vụ thờ cúng, không nhằm mục đích chuyển quyền sở hữu riêng tuyệt đối cho cá nhân được chỉ định. Do đó, cần xác định bản chất pháp lý của khối tài sản này là di sản dùng vào việc

thờ cúng, là phù hợp với ý chí của cụ C1 và cụ A1 được xác định vào năm 1991 nên việc ông T1 yêu cầu công nhận di chúc của ông H8 xác nhận di sản trên thuộc quyền định đoạt của ông T1 là trái với ý chí lập di chúc của cụ C1 và cụ A1.

Theo quy định Điều 670 Luật dân sự năm 2005 hay Điều 645 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Di sản dùng vào việc thờ cúng không được chia thừa kế mà được giao cho người quản lý để thực hiện việc thờ cúng” những người thừa kế có quyền giám sát việc quản lý, sử dụng di sản thờ cúng. Do đó, việc bị đơn cho rằng mình được hưởng toàn bộ tài sản là không phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Tuy nhiên, như đã phân tích, ông H8 không có quyền định đoạt toàn bộ tài sản này như tài sản riêng, mà chỉ có thể chỉ định người quản lý di sản thờ cúng. Di chúc ông H8 lập ngày 27/11/2023 để lại di sản trên cho con là ông T1 là trái ý chí của di chúc cụ C1 và cụ A1. Mặt khác, ngày 28/11/2002 là sau ngày ông H8 lập di chúc có nguyện vọng đồng ý cho bà S ở trong căn nhà trên thửa đất số 36 đến suốt đời. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các hàng thừa kế của ông Võ Hữu T5 và ông Võ Hữu H8 là những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến di sản thờ cúng; đồng thời giao cho những người thừa kế của ông Võ Hữu T5 trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản để thực hiện việc thờ cúng là phù hợp với thực tế quản lý, sử dụng ổn định lâu dài và phù hợp với ý chí ban đầu của người để lại di sản. Quyết định này đảm bảo hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu kháng cáo của ông T1 là không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh. Lời đề nghị của Kiểm sát nhân dân tỉnh T có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Hữu T1.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Hữu T1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007788 ngày 16/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

3. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Khu vực 5-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyên